

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói số 26 mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm;
- Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi 2 (Tên cũ: Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum);
- Địa chỉ thực hiện bàn giao hàng hóa: 224 Bà Triệu, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi;
- Nguồn vốn: Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh BHYT và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: Từ tháng 12 năm 2025;
- Loại hợp đồng: Hợp theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Phạm vi công việc:

Phạm vi công việc của nhà thầu chào hàng tất cả các chi phí bao gồm các nội dung cơ bản sau (nhưng không hạn chế, nhà thầu có thể bổ sung thêm các chi phí cần thiết khác phù hợp với gói thầu):

- Cung cấp, vận chuyển hàng hóa tới địa điểm cung cấp;
- Bảo quản, nghiệm thu, bàn giao hàng hóa;
- Vận chuyển các hàng hóa theo đúng vị trí và yêu cầu của Chủ đầu tư;
- Bàn giao hàng hóa phải thỏa mãn các yêu cầu của E-HSMT. Chịu mọi chi phí nghiệm thu và vận chuyển hàng hóa;
- Chi phí kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao;
- Bảo hành hàng hóa và các dịch vụ sau bán hàng theo hợp đồng.

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chung:

- Nhà thầu tham gia dự thầu phải cung cấp đúng và đủ chủng loại, khối lượng hàng hoá nêu tại Bảng Phạm vi cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT.
- Hàng hóa cung cấp phải nguyên đai, nguyên kiện theo quy định của nhà sản xuất. Có đầy đủ ký mã hiệu, hãng sản xuất, nước sản xuất.

- Các trang thiết bị và hàng hóa dự thầu cho gói thầu này phải đảm bảo đủ điều kiện lưu hành tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

- Hàng hóa mới 100%.

- Yêu cầu cụ thể về thông số kỹ thuật các hàng hóa quy định cụ thể tại danh mục mời thầu.

*** Ghi chú:**

- Đặc tính kỹ thuật :

Yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh đặc tính kỹ thuật, thông số kỹ thuật của hàng hóa: Catalog, tài liệu của nhà sản xuất hoặc hồ sơ mô tả sản phẩm hoặc tài liệu mô tả chi tiết thông số kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng theo yêu cầu tại biểu mẫu hàng hóa mời thầu E-HSMT.

Catalogue sản phẩm bản gốc, bản dịch thuật Tiếng Việt (Highlight màu vào tên hàng hóa, các thông số kỹ thuật đáp ứng E-HSMT, ký mã hiệu sản phẩm hàng hóa dự thầu).

Hồ sơ mô tả sản phẩm hoặc tài liệu mô tả chi tiết thông số kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng bản gốc, bản dịch Tiếng Việt (Highlight màu vào tên hàng hóa, các thông số kỹ thuật đáp ứng E-HSMT, ký mã hiệu sản phẩm hàng hóa dự thầu).

Toàn bộ chứng từ, tài liệu kỹ thuật nhà thầu cung cấp bản gốc hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của nhà thầu (Nhà thầu chịu trách nhiệm sao y bản chính) và Highlight màu vào tên hàng hóa, các thông số kỹ thuật đáp ứng E-HSMT, ký mã hiệu sản phẩm hàng hóa dự thầu và phạm vi chứng nhận của các loại Giấy tờ chứng minh Tiêu chuẩn chất lượng).

- Tính hợp lệ của nhà thầu: Nhà thầu phải đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế: cung cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế (đối với hàng hóa là thiết bị y tế loại B, C, D, trừ thiết bị y tế thuộc loại B, C, D được mua, bán như các hàng hóa thông thường theo quy định tại Điều 4, Thông tư 05/2022/TT-BYT ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Bộ Y tế)

- Tính hợp pháp của hàng hóa chào thầu đối với hàng hóa là thiết bị y tế. Cung cấp đầy đủ các tài liệu sau:

• **Bảng kết quả phân loại thiết bị y tế** còn hiệu lực được Bộ Y tế công khai trên cổng thông tin điện tử <https://imda.moh.gov.vn/cong-khai-phan-loai-ttbyt> (Bản gốc hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của nhà thầu).

• **Số lưu hành, cụ thể:**

** Đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B cung cấp một trong số các tài liệu sau:*

+ Số công bố tiêu chuẩn áp dụng thiết bị y tế hoặc Giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực theo quy định hoặc tương đương

** Đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D cung cấp một trong số các tài liệu sau:*

+ Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực theo quy định hoặc tương đương

Trường hợp nhà thầu xác định hàng hóa tham dự **“không”** phải là thiết bị y tế theo quy định tại nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý thiết bị y tế, Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BYT ngày 03/6/2024 hợp nhất Nghị định về quản lý thiết bị y tế và Danh mục các mặt hàng đầu thầu như hàng hóa thông thường theo quy định tại **Điều 4** Thông tư 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế thì nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo E-HSMT.

- Các tài liệu đính kèm trong HSDT nếu là ngôn ngữ khác thì phải được đính kèm bản dịch Tiếng Việt.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu cung cấp. Trường hợp cần thiết chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc của các tài liệu nêu trên để đối chiếu làm căn cứ xét thầu.

1.2.3. Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng:

- Nhà thầu cung cấp toàn bộ Catalogue sản phẩm thể hiện thông số những đặc tính, thông số kỹ thuật, đảm bảo theo mô tả tại danh mục trong HSMT và có cấu hình tính năng kỹ thuật bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu về mặt kỹ thuật được mô tả tại biểu yêu cầu về mặt kỹ thuật trong HSMT

- Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng của hàng hóa dự thầu do nhà sản xuất phát hành khi bàn giao hàng hóa.

- Đối với tài liệu và hướng dẫn sử dụng của hàng hóa dự thầu do nước ngoài sản xuất, nhà thầu phải cung cấp bản hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh kèm theo bản dịch ra tiếng Việt Nam. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của bản dịch.

2. Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
1	Đầu col vàng có khóa 200µl	Kích thước: 0-200ul có khóa	Gói/ 1.000 cái	Cái	200.000
2	Đầu col vàng không khóa	Kích thước: 0-200ul không khóa	Gói/ 1.000 cái	Cái	15.000
3	Đầu col xanh có khóa	Kích thước: 0-1000ul có khóa	Gói/500 cái	Cái	150.000
4	Đầu col xanh không khóa	Kích thước: 0-1000ul không khóa	Gói/500 cái	Cái	10.000
5	Đầu col trắng có khóa 10µl	Kích thước: 0-10ul	Gói/ 1.000 cái	Cái	2.000
6	Đầu col blackKnights, 300µl	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tip dẫn điện, 300 µl, khay, 96 tip/khay - Màu tip: Đen (dẫn điện) - Màu khay: Be - Không vô trùng - Không tiếp xúc với bệnh nhân - Tiếp xúc với máu và huyết tương - Chiều dài tip: 55.0 mm - Đồng tâm: ≤ 1.5 - Chiều dài khay: 126.9mm - Chiều rộng khay: 88.4mm 	96 cái/ Vi	Vi	100
7	Đầu col blackKnights, 1100µl	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tip dẫn điện, 1100 µl, khay, 96 tip/khay - Màu tip: Đen (dẫn điện) - Màu khay: Xám - Không vô trùng - Không tiếp xúc với bệnh nhân - Tiếp xúc với máu và huyết tương - Chiều dài tip: 97mm - Đồng tâm: ≤ 1.5 - Chiều dài khay: 126.9mm - Chiều rộng khay: 88.4mm 	96 cái/ Vi	Vi	30
8	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 1.5ml, nắp trắng	Ống nghiệm nhựa thể tích 1.5ml, có vạch thể tích trên thân ống, nắp bật. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	1.000 ống/bịch	Cái	15.000
9	Ống nghiệm nhựa PS 5ml nắp trắng, không nhãn	Ống nghiệm nhựa PS trong suốt, kích thước 13 x 75mm, nắp nhựa màu trắng, không nhãn, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	500 ống/bịch	Cái	30.000
10	Ống nghiệm EDTA 2ml (nắp xanh dương)	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml, nắp nhựa màu xanh dương. Hóa chất bên trong là EDTA K2 (Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate) kháng đông cho 2ml máu. Quy cách: 100 ống/hộp, được đóng trên hộp để thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	2.400 ống/thùng	Cái	145.000

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
11	Ống nghiệm Serum có hạt to (nắp đỏ)	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml, nắp nhựa màu đỏ. Hóa chất bên trong là hạt nhựa Polystyrene. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	2.500 ống/thùng	Ống	60.000
12	Ống nghiệm chimily 2ml (nắp xám)	Ống nghiệm nhựa kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml, nắp nhựa màu xám. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Sodium Flouride và EDTA K2 cho 1ml máu. Quy cách: 100 ống/hộp, được đóng trên đế mous thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	2.400 ống/thùng	Cái	7.000
13	Ống nghiệm Citrate 3.8%	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml, nắp nhựa màu xanh lá cây. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate Dihydrate 3.8% kháng đông cho 2ml máu. Quy cách: 100 ống/hộp được đóng trên đế mous thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	2.400 ống/thùng	Ống	50.000
14	Ống nghiệm Heparin 2ml (nắp đen)	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml, nắp nhựa màu đen. Hóa chất bên trong là Heparin Lithium kháng đông cho 2ml máu. Quy cách: 100 ống/ hộp được đóng trên hộp đế thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	2.400 ống/thùng	Cái	130.000
15	Anti-A (IgM)	Lọ 10ml	Hộp 1 lọ 10ml	Lọ	500
16	Anti-B (IgM)	Lọ 10ml	Hộp 1 lọ 10ml	Lọ	500
17	Anti-AB (IgM)	Lọ 10ml	Hộp 1 lọ 10ml	Lọ	300
18	Anti-D (IgM+IgG)	Lọ 10ml	Hộp 1 lọ 10ml	Lọ	500
19	Lam kính 7105	Độ dày: 1.0 - 1.2mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3"); Vật liệu cấu thành: kính; Loại nhám.	Hộp/72 cái	Hộp	300
20	Lam kính 7102	Độ dày: 1.0 - 1.2mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3"); Vật liệu cấu thành: kính; Loại trơn.	Hộp/72 cái	Hộp	500
21	Đĩa Peptri nhựa ĐK 90mm	Chất liệu nhựa PS trong suốt. Đường kính 90mm. Chiều cao 15mm. Tiệt trùng bằng tia Gamma. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	500 đĩa/thùng	Đĩa	15.000
22	Lọ nhựa đựng mẫu PS 50ml nắp đỏ, có nhãn	Lọ nhựa PS trong suốt, dung tích 50ml, nắp nhựa màu đỏ, có nhãn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	100 Bịch Lọ/	Cái	15.000

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
23	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml HTM nắp trắng, có nhãn	Lọ nhựa PS trong suốt, dung tích 55ml, nắp nhựa màu trắng, có nhãn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	100 lọ/bịch	Cái	7.000
24	SYPHILIS (IgG & IgM) ELISA KIT	Xét nghiệm dùng cho sự định tính của các kháng thể (IgG, IgM và IgA) kháng Treponema Pallidum Thành phần bộ xét nghiệm: Khay vi giếng được phủ với các kháng nguyên tổng hợp Treponema pallidum được tinh sạch (p15, p17 và p47), chứng âm, chứng dương, chất hiệu chuẩn, đệm rửa đậm đặc, chất enzyme liên hợp, chất tạo màu/ cơ chất, axit sulfuric, miếng dán khay vi giếng Độ nhạy phân tích: >0.0025 IU/ml Độ đặc hiệu chẩn đoán: 100% Độ nhạy chẩn đoán: 100% Độ ổn định: từ 2-8°C trong 15 tháng	Hộp/ 96 test	Test	6.240
25	HBsAg ELISA	Xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) thể hệ thứ 4 cho phép chẩn đoán kháng nguyên bề mặt viêm gan B hoặc HBsAg trong huyết thanh và huyết tương của con người Thành phần bộ xét nghiệm: Khay vi giếng phủ kháng thể chuột đơn dòng kháng HBsAg, chứng âm, chứng dương, chất hiệu chuẩn, đệm rửa đậm đặc, dung dịch pha loãng enzyme, enzyme liên hợp, cơ chất, acid sulfuric Tổng thời gian ủ 150 phút, Đọc kết quả ở bước sóng 450nm Độ nhạy chẩn đoán: 100% Độ đặc hiệu chẩn đoán: 99.5% Độ chính xác: Mẫu âm tính CV = 16%, Chất hiệu chuẩn 0.5 IU/ml CV = 8% Độ ổn định: tại 2-8°C trong 15 tháng	Hộp/ 96 test	Test	6.240
26	HIV ELISA	Xét nghiệm miễn dịch enzyme thể hệ 4 cho xác định kháng thể kháng vi rút suy giảm miễn dịch ở người hoặc HIV tuýp 1&2&O và kháng nguyên P24 HIV-1 trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần bộ xét nghiệm: Khay vi giếng phủ bởi các peptid đặc hiệu HIV gp36, gp41 và gp120 và với một kháng thể đơn dòng đặc hiệu kháng HIV-1 p24 Ag, chứng âm, chứng dương HIV-1 Ab, chứng dương HIV-2 Ab, chất hiệu chuẩn HIV-1 P24 Ag, đệm rửa đậm đặc, enzyme liên hợp số 1, chất pha	Hộp/ 96 test	Test	6.240

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
		loãng liên hợp 1, chất liên hợp số 2, cơ chất, acid sulfuric, pha loãng mẫu, tấm dán khay Tổng thời gian ủ 150 phút, Đọc kết quả ở bước sóng 450nm Độ nhạy ≤ 2 UI/ml Độ đặc hiệu chẩn đoán: 100% Độ nhạy chẩn đoán: 100% Độ chụm: Mẫu âm tính CV = 7.6%, Mẫu dương tính thấp CV = 4.0% Độ ổn định: từ 2-8°C trong 18 tháng			
27	HCV ELISA KIT	Xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) phiên bản 4.0 cho sự phát hiện kháng thể kháng vi-rút viêm gan C trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần bộ xét nghiệm: Khay vi giếng phủ với peptide lõi, peptide NS3, NS4 và NS5 tái tổ hợp; chứng âm; chứng dương; chất hiệu chuẩn; đệm rửa đậm đặc; enzyme liên hợp; cơ chất; dung dịch pha loãng xét nghiệm; acid sulfuric; pha loãng mẫu; miếng dán khay Tổng thời gian ủ 105 phút, Đọc kết quả ở bước sóng 450nm Độ đặc hiệu chẩn đoán: 100% Độ nhạy chẩn đoán: 100% Độ ổn định: từ 2-8°C trong 18 tháng	Hộp /96 test	Test	6.240
28	Hóa chất phân tích khí máu 9 thông số	Cartridge 9 thông số đo: khí máu (pH,pCO2, pO2) / Điện giải (Na, K, Ca) Glucose & Lactate / Hct; Sử dụng được cho máy phân tích khí máu GEM Premier 3000/3500. 150 test/ Hộp	150 test/ Hộp	Hộp	24
29	Hóa chất phân tích khí máu 9 thông số	Cartridge IQM khí máu, điện giải, Glu, Lac và Hct - 300 tests 3 tuần Đo các thông số: pH, pCO2, pO2, Hct, Na+, K+, Ca++, Glucose và Lactate sử dụng cho máy phân tích khí máu GEM 3000 / 3500. Hộp 300 test	300 test/ Hộp	Hộp	6
30	Hoá chất chuẩn máy phân tích khí máu 9 thông số	Hộp hóa chất chuẩn nhiều mức độ (Contril 9 Control Multipak3x10x2ml)	Hộp/3x10x2m	Hộp	12
31	Đĩa Peptri nhựa ĐK 90mm	- Nhựa trắng trong - Đường kính 90 mm - Chiều cao: 15mm	10 cái/ bịch	Cái	15000
32	Túi máu đơn loại 250ml	Thể tích 250ml và có kích thước 130mm. Túi có 35ml dung dịch chống đông CPDA-1 (trong 100ml CPDA-1 chứa: Citric Acid	Thùng 100 túi	Túi	2000

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
		(Anhydr.): 0,299g; Sodium Citrate (Dihydr.): 2,63g, Monobasic Sodium Phosphate (Monohydr.): 0,222g, Dextrose (Monohydr.): 3,19g), Adenine 0,0275 g. . Ống dây nhận máu: dài 980 ± 40 mm, đường kính ngoài 4,4mm và đường kính trong 3,0mm. . Có kẹp Polycetal ép phun, có 12 đoạn ống nhận máu. . Bộ mã vạch ISBT 128 trên nhãn túi. . Sức bền của túi: Sức chịu lực ly tâm (Centrifugation resistance): 5000g trong 10 phút Sức chịu áp suất (Pressure resistance): 0.7kg/cm ² trong 10 phút Sức chịu nhiệt độ (Thermal resistance): trong khoảng -80°C tới 37°C $\pm 2^\circ$			
33	Túi máu 2 loại 250ml	Bao gồm 02 túi, thể tích mỗi túi 250ml và có kích thước 130 mm. Túi 1: có 35ml dung dịch chống đông CPDA-1 (trong 100ml CPDA-1 chứa: Citric Acid (Anhydr.): 0,299g; Sodium Citrate (Dihydr.): 2,63g, Monobasic Sodium Phosphate (Monohydr.): 0,222g, Dextrose (Monohydr.): 3,19g), Adenine 0,0275 g. Túi 2: túi chuyển . Ống dây nhận máu: dài 980 ± 40 mm, đường kính ngoài 4,4mm và đường kính trong 3,0mm. . Ống chuyển có chiều dài 540 mm. . Có kẹp Polycetal ép phun, có 12 đoạn ống nhận máu. . Bộ mã vạch ISBT 128 trên nhãn túi. . Sức bền của túi: Sức chịu lực ly tâm (Centrifugation resistance): 5000g trong 10 phút Sức chịu áp suất (Pressure resistance): 0.7kg/cm ² trong 10 phút Sức chịu nhiệt độ (Thermal resistance): trong khoảng -80°C tới 37°C $\pm 2^\circ$	Thùng túi 60	Túi	1500
34	Túi máu 3 loại 250ml	Bao gồm 03 túi, thể tích mỗi túi 250ml và có kích thước 130 \pm 5mm. Túi 1: có 35ml dung dịch chống đông CPD (trong 100ml CPD chứa: Citric Acid (Anhydr.): 0,299g; Sodium Citrate	Thùng túi 40	Túi	6000

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
		(Dihydr.): 2,63g, Monobasic Sodium Phosphate (Monohydr.): 0,222g, Dextrose (Monohydr.): 2,55g). Túi 2: túi chuyển Túi 3: chứa 56ml dung dịch bảo quản hồng cầu AS-5 (trong 100ml dung dịch AS-5 chứa: Sodium Chloride: 0,877g; Dextrose (Anhydr.): 0,818g; Adenine: 0,03g; Mannitol: 0,525g). Ống dây lấy máu dài 980 ± 40 mm, có 12 đoạn ống nhận máu, có kẹp Polycetal ép phun. . Ống nhận và chuyển có đường kính ngoài 4,4mm và đường kính trong 3mm. .Bộ mã vạch ISBT 128 trên nhãn túi. .Sức bền của túi: Sức chịu lực ly tâm (Centrifugation resistance): 5000g trong 10 phút Sức chịu áp suất (Pressure resistance): 0.7kg/cm2 trong 10 phút Sức chịu nhiệt độ (Thermal resistance): trong khoảng -80°C tới 37°C ±2°			
35	Túi máu 3 loại 350ml	Bao gồm 03 túi, thể tích mỗi túi 350ml và có kích thước 160±5mm. Túi 1: có 49ml dung dịch chống đông CPD (trong 100ml CPD chứa: Citric Acid (Anhydr.): 0,299g; Sodium Citrate (Dihydr.): 2,63g, Monobasic Sodium Phosphate (Monohydr.): 0,222g, Dextrose (Monohydr.): 2,55g). Túi 2: túi chuyển Túi 3: chứa 80ml dung dịch bảo quản hồng cầu AS-5 (trong 100ml dung dịch AS-5 chứa: Sodium Chloride: 0,877g; Dextrose (Anhydr.): 0,818g; Adenine: 0,03g; Mannitol: 0,525g). Ống dây lấy máu dài 980 ± 40 mm, có 12 đoạn ống nhận máu, có kẹp Polycetal ép phun. . Ống nhận và chuyển có đường kính ngoài 4,4mm và đường kính trong 3mm. . Bộ mã vạch ISBT 128 trên nhãn túi. . Sức bền của túi: Sức chịu lực ly tâm (Centrifugation resistance): 5000g trong 10 phút Sức chịu áp suất (Pressure resistance): 0.7kg/cm2 trong 10 phút Sức chịu nhiệt độ (Thermal	Thùng túi 40	Túi	1000

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
		resistance): trong khoảng -80°C tới 37°C ±2°			
36	Túi máu 4 loại 250ml	<p>Bao gồm 04 túi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Túi chính (túi CPD): có 35ml dung dịch chống đông CPD (trong 100ml CPD chứa: Citric Acid (Anhydr.): 0,299g; Sodium Citrate (Dihydr.): 2,63g, Monobasic Sodium Phosphate (Monohydr.): 0,222g, Dextrose (Monohydr.): 2,55g) và nước để tiêm. Chiều cao bên trong túi có kích thước 146±5mm và chiều rộng bên trong là 99±5mm. - Túi chuyển 1 (túi Buffy Coat): chiều cao bên trong túi có kích thước 97±4mm và chiều rộng bên trong là 72±4mm. - Túi chuyển 2: chiều cao bên trong túi có kích thước 160±5mm và chiều rộng bên trong là 120±5mm. - Túi chuyển 3 (túi chứa AS-5): chứa 56ml dung dịch bảo quản hồng cầu AS-5 (trong 100ml dung dịch AS-5 chứa: Sodium Chloride: 0,877g; Dextrose (Anhydr.): 0,818g; Adenine: 0,03g; Mannitol: 0,525g) và nước để tiêm. Chiều cao bên trong túi có kích thước 160±5mm và chiều rộng bên trong là 120±5mm. <p>* Ống dây nhận máu dài 980 ± 40 mm, có 12 đoạn ống nhận máu</p> <p>* Có kẹp dây làm bằng vật liệu Polycetal ép phun.</p> <p>* Ống nhận và chuyển có đường kính ngoài 4,4mm và đường kính trong 3mm.</p> <p>* Bộ mã vạch ISBT 128 trên nhãn túi.</p> <p>* Sức bền của túi:</p> <p>Sức chịu lực ly tâm (Centrifugation resistance): 5000g trong 10 phút</p> <p>Sức chịu áp suất (Pressure resistance): 0.7kg/cm2 trong 10 phút</p> <p>Sức chịu nhiệt độ (Thermal resistance): trong khoảng -80°C tới 37°C ±2°"</p>	Thùng túi 30	Túi	60
37	Đầu col có lọc 200µL	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tip có lọc 200 µL - Chất liệu: Nhựa Polypropylene y tế. - Có các vạch chia thể tích. - Màng lọc: PE, ngăn chặn sol khí và ô nhiễm xâm nhập vào pipette. - Không DNase, RNase, nội độc tố, pyrogen, DNA người và chất ức chế PCR 	01 hộp (96 cái)	Hộp	10

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
38	Đầu col có lọc 1000 μ L	Thông số kỹ thuật: - Đầu tip có lọc 1000 μ L- Chất liệu: Nhựa Polypropylene y tế.- Có các vạch chia thể tích.- Màng lọc: PE, ngăn chặn sol khí và ô nhiễm xâm nhập vào pipette.- Không DNase, RNase, nội độc tố, pyrogen, DNA người và chất ức chế PCR.	01 hộp (96 cái)	Hộp	10
39	Bộ nhuộm lao	Ziehl Neelsen nhuộm lao Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylen Blue.	Bộ/ 100ml	Bộ	10
40	Dung dịch rửa dùng cho máy XN điện giải	-Mục đích sử dụng: để loại bỏ protein ở màng điện cực, tăng độ nhạy và độ ổn định của điện cực sử dụng cho dòng máy Erbalyte -Thành phần hóa chất: Chất hoạt động bề mặt <0.1%, NaOCl <1%, nước khử ion	100ml/ hộp	Hộp	12
41	Điện cực K dùng cho dòng máy điện giải Erbalyte	Điện cực K dùng cho dòng máy điện giải Erbalyte.	01 cái/ hộp	Hộp	6
42	Điện cực Na dùng cho dòng máy điện giải Erbalyte	Điện cực Na dùng cho dòng máy điện giải Erbalyte.	01 cái/ hộp	Hộp	6
43	Điện cực Cl dùng cho dòng máy điện giải Erbalyte	Điện cực Cl dùng cho dòng máy điện giải Erbalyte.	01 cái/ hộp	Hộp	6
44	Điện cực tham chiếu dùng cho dòng máy điện giải Erbalyte	Điện cực tham chiếu dùng cho dòng máy điện giải Erbalyte.	01 cái/ hộp	Hộp	6
45	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện giải	-Mục đích sử dụng: để hiệu chuẩn điện cực, sử dụng cho dòng máy Erbalyte -Thành phần hóa chất: NaCl, KCl < 1%, chất bảo quản <0.05%, nước khử ion	650ml STD A + 350 ml STD B	Hộp	120
46	Dung dịch bổ sung điện cực Na ⁺ , Cl ⁻ , pH dùng cho máy XN điện giải	-Mục đích sử dụng: được sử dụng để bổ sung điện cực Na ⁺ , Cl ⁻ , pH tạo môi trường dẫn điện trong máy xét nghiệm điện giải. -Thành phần hóa chất: NaCl 0.05mol/l, KH ₂ PO ₄ 0.0087mol/l, Na ₂ HPO ₄ 0.0304 mol/l, nước khử ion	15ml/ hộp	Hộp	6
47	Dung dịch bổ sung điện cực Ref dùng cho	-Mục đích sử dụng: là dung dịch điện cực chuẩn, được sử dụng để tạo môi trường dẫn điện cho dòng máy điện giải.	15ml/ hộp	Hộp	6

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
	máy XN điện giải	-Thành phần hóa chất: KCl 2mol/l, nước khử ion			
48	Bộ kit thu tiểu cầu đơn	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kín, tránh nhiễm khuẩn, tiết trùng trong quá trình tách. - Bộ kit bao gồm: Bàu ly tâm: 1 bộ + Kim nối với túi chất chống đông: 1 bộ + Kim lấy máu và trả máu về người hiến: 1 bộ + Bộ phận lọc bọt khí trên đường truyền máu: 1 bộ + Túi transfer lưu trữ tạm thời huyết tương giàu tiểu cầu trong mỗi chu kỳ, tăng chất lượng tiểu cầu thu nhận được: 1 túi + Túi đựng tiểu cầu: 1 túi + Túi đựng huyết tương: 1 túi + Túi lấy mẫu máu: 1 túi + Túi lấy mẫu tiểu cầu: 1 túi - Thẻ tích thu được điều chỉnh tự động với 250 ml/ kit đơn - Hiệu suất tiểu cầu thu được: $> 3 \times 10^{11}/250 \text{ ml}$ 	Gói/ 01 bộ; Thùng 8 bộ	Bộ	150
49	Bộ kit thu tiểu cầu đôi	<ul style="list-style-type: none"> - Kín, vô trùng; các bộ phận của kit đã được ghép nối kín với nhau; - Bộ kit bao gồm: + Bàu ly tâm: 1 bộ + Kim nối với túi chất chống đông: 1 bộ + Kim lấy máu và trả máu về người hiến: 1 bộ + Bộ phận lọc bọt khí trên đường truyền máu: 1 bộ + Túi transfer lưu trữ tạm thời huyết tương giàu tiểu cầu trong mỗi chu kỳ, tăng chất lượng tiểu cầu thu nhận được: 1 túi + Túi đựng tiểu cầu: 2 túi + Túi đựng huyết tương: 1 túi + Túi lấy mẫu máu: 1 túi + Túi lấy mẫu tiểu cầu: 1 túi; - Thẻ tích thu được điều chỉnh tự động với 500 ml/ kit đôi - Hiệu suất tiểu cầu thu được: $\geq 6 \times 10^{11}/500 \text{ ml}$ 	Gói/ 01 bộ; Thùng 8 bộ	Bộ	10
50	Lamelle 24x50mm (Tấm phủ tiêu bản bằng thủy tinh)	<p>Được làm bằng thủy tinh borosilicate không màu, có chất lượng truyền quang phổ cao, chỉ số khúc xạ thích ứng phù hợp với kính hiển vi</p> <p>Kích thước: 24x50mm, Độ dày: 1 (0.13mm – 0.16mm)</p>	1.000 miếng/ hộp	Hộp	20

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
51	Khuôn đúc mẫu mô	Cassette có nắp lỏng đóng kèm, bản lề nắp có thể đảo ngược. Loại lỗ: dạng khe Sử dụng để chứa và tạo khuôn cắt cho mẫu bệnh phẩm	1000 cái với nắp dính kèm/ thùng	Thùng	10
52	Sáp Paraffin để cố định mẫu	Sáp có công thức đặc biệt không chứa polyme nhưng vẫn đủ ổn định để sử dụng trong quá trình thẩm thấu và vùi mô Nhiệt độ tan chảy: 55-57 °C	09 kg/ hộp	Hộp	6
53	Thuốc nhuộm tiêu bản	Thành phần: Ethyl alcohol, Nước, Isopropyl alcohol, Methyl alcohol, Orange-G Certified, Phosphotungstic acid - Nhuộm keratin trong tế bào, giảm kết tủa, giảm thời gian nhuộm.	470ml/ chai (4 chai/hộp)	Hộp	3
54	Chất nhuộm tiêu bản	Thành phần: Ethyl alcohol, Nước, Isopropyl alcohol, Methyl alcohol, Eosin-Y Dye, Phosphotungstic acid, Fast green fcf, Bismarck Brown Y Màu nhuộm tế bào rực rỡ, có thể điều chỉnh cường độ màu Giảm kết tủa, giảm thời gian nhuộm	470 ml/chai (4 chai/hộp)	hộp	3
55	Chất gắn tiêu bản Mounting Medium	Mounting Medium pha lẫn với tất cả các chất làm sạch bao gồm cả chất thay thế xylene. • Khô nhanh • Chất nền là Toluene • Quan sát rõ	Hộp/ 6 chai - 118ml/ chai	Hộp	4
56	Thuốc nhuộm tiêu bản Hematoxylin	Thành phần: Nước, Ethylene glycol, Aluminum sulfate dodecahydrate, Acetic acid, Hematoxylin, Sodium iodate Lam nhuộm sắc nét, nhuộm sắc thể vùng nhân được phân định rõ ràng	470ml/ chai (4 chai/hộp)	hộp	3
57	Chất xử lý tế bào Clear-Rite 3	Clear-Rite 3™ là một hỗn hợp đặc của các hydrocarbon béo isoparaffinic để xử lý mô và nhuộm mô • Tách béo tuyệt vời trong quá trình xử lý mô • Khử paraffin hoàn toàn và làm sạch trong quá trình nhuộm • Không tạo ra mẫu cứng hoặc giòn, ngay cả sau khi phơi nhiễm kéo dài • Sử dụng được trong tất cả các máy xử lý mô và nhuộm tự động • Không Benzene • Rất ít mùi	3,8 lít/ bình (4 bình/ thùng)	thùng	4

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
58	Chất cố định tiêu bản Formalin, pha loãng trung tính 10%	Formalin (NBF) 10% là chất cố định có công thức AFIP pha sẵn giúp giảm tiếp xúc với formaldehyde Phosphate đệm được sử dụng để ổn định độ pH giữa 6,8 và 7,2 Kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt đảm bảo nồng độ formalin là 10% Ổn định với nhiệt độ đông lạnh	5 lít/ bình (4 bình/ thùng)	Thùng	14
59	Dung dịch tẩy rửa, làm sạch Biofilm và chất bẩn mức độ cao, chứa hỗn hợp 5 enzyme (đa enzyme), dùng với máy rửa	- Dung dịch tẩy rửa làm sạch biofilm và chất bẩn, chứa hỗn hợp đa enzyme (5 enzyme) gồm: protease, lipase, amylase, cellulase, mannanase; pH kiềm nhẹ; sử dụng cho làm sạch bằng máy rửa tự động. - Hạn sử dụng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất	Can 5 lít	05L/ Can	10
60	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS Novobiocin 5µg	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện đề kháng Novobiocin	20 đĩa/ lọ	Lọ	3
61	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD - ĐKS Optochin	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Optochin	20 đĩa/ lọ	Lọ	65
62	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS Azithromycin 15µg	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	50 đĩa/ lọ	Lọ	2
63	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS Cefotaxime 30µg	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	50 đĩa/ lọ	Lọ	5
64	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS Ceftriaxone 30µg	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với	50 đĩa/ lọ	Lọ	2

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
		nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn			
65	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS Ciprofloxacin 5µg	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	50 đĩa/ lọ	Lọ	5
66	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS Clarithromycine 15µg	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	50 đĩa/ lọ	Lọ	2
67	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS Clindamycin 2µg	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	50 đĩa/ lọ	Lọ	2
68	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS Doxycycline 30µg	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	50 đĩa/ lọ	Lọ	2
69	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS Erythromycin 15µg	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	50 đĩa/ lọ	Lọ	2
70	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm	50 đĩa/ lọ	Lọ	3

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
	Levofloxacin 5µg	các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn			
71	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS Meropenem 10µg	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	50 đĩa/ lọ	Lọ	4
72	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS Ofloxacin 5µg	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	50 đĩa/ lọ	Lọ	2
73	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS Penicillin 10UI	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	50 đĩa/ lọ	Lọ	4
74	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS Rifampicin 5µg	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	50 đĩa/ lọ	Lọ	2
75	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS Sufamethoxazol e/ Trimethoprim 23,75/1,25µg	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	50 đĩa/ lọ	Lọ	5
76	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa	50 đĩa/ lọ	Lọ	3

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
	Tetracycline 30µg	chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn			
77	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD-ĐKS Vancomycin 30µg	Chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn	50 đĩa/ lọ	Lọ	3
78	Thạch chứa MT nuôi cấy – Máu cừu 10ml	Tube nhựa có nắp vặn chặt, chứa 10ml máu cừu được kháng đông bằng bi thủy tinh, dùng pha chế môi trường thạch máu	10ml/Tube	tube	780
79	Môi trường Thạch máu pha sẵn	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (α, β, γ) của Streptococcus	Hộp / 10 đĩa	Đĩa	10
80	Môi trường vi sinh - Macconkey Agar	MacConkey Agar được sử dụng để phân lập và phân biệt quá trình lên men đường sữa với trực khuẩn gram âm không tiêu hóa đường sữa. MacConkey Agar không có Crystal Violet được sử dụng để phân lập và phân biệt các vi sinh vật đường ruột trong khi cho phép sự phát triển của staphylococci và enterococci. Môi trường cũng có thể được sử dụng để tách Mycobacterium fortuitum và M. chelonae khỏi các loại mycobacteria đang phát triển nhanh khác	500g/chai	chai	10
81	Môi trường vi sinh – Mueller Hinton II Agar	Mueller Hinton Agar được khuyến nghị thử nghiệm độ nhạy cảm khuếch tán của đĩa kháng khuẩn đối với các vi khuẩn phổ biến, phát triển nhanh bằng phương pháp Bauer-Kirby, theo tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn lâm sàng và Phòng thí nghiệm.	500g/chai	Chai	12
82	Môi trường vi sinh - Dropper Oxidase	Khi có oxi của không khí, indophenol Oxidase sẽ bị oxi hóa thành thuốc thử phenylenediamine Oxidase để hình thành phức hợp màu tím đậm , indophenol	50 cái/hộp	Hộp	1
83	Môi trường vi sinh - Chromagar Orientation	CHROMagar Orientation sẽ xác định chính xác sự hiện diện của quần thể nhỏ và sẽ giúp thiết lập chẩn đoán và trị liệu đúng, mục tiêu chính của môi trường này là phát hiện mầm bệnh đường tiết niệu	500g/chai	Chai	2

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
84	Môi trường vi sinh - Sabouraud Dextrose Agar	Môi trường này cũng được sử dụng để xác định đánh giá về nấm thực phẩm, ô nhiễm trong mỹ phẩm và lâm sàng để hỗ trợ trong việc chẩn đoán bệnh nhiễm nấm men và nấm.	500g/chai	Chai	2
85	Môi trường vi sinh - Bile Esculin Agar	Được sử dụng để phân biệt enterococci và Nhóm Streptococcus bovis từ các streptococci khác	500g/chai	Chai	1
86	Môi trường vi sinh - Mannitol Salt Agar	Được sử dụng để phân lập và định lượng chọn lọc staphylococci từ các vật liệu lâm sàng và phi lâm sàng	500g/chai	Chai	1
87	Chai dung dịch nhuộm vi sinh (Bộ nhuộm gram) (H)	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranin.	100ml/bộ	Bộ	30
88	Thuốc nhuộm Ziehl Neelsen	Xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylene Blue	Bộ/ 3 chai 100ml	Bộ	40
89	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dụng cụ	<p>-Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme, thành phần: protease subtilisin 0,5%, hiệu quả nhanh sau 1 phút.</p> <p>- ít bọt, pH trung tính: 7.8-8.8 ngăn không để lại tồn lưu, giúp dụng cụ được khử khuẩn hiệu quả, hương bạc hà dễ chịu, át được mùi của dụng cụ bẩn, không gây ăn mòn dụng cụ</p> <p>- Đi sâu và làm sạch các vị trí khó tiếp cận như các khe ống nội soi, đồng thời làm sạch hiệu quả các chất béo và mỡ.</p> <p>- Tương thích với nhiều loại dụng cụ vật liệu phi kim loại như silicone, E® Cao su EPDM, PTFE, polyurethane, cao su viton và các vật liệu kim loại như thép không gỉ E® thép 304-2B, thép không gỉ 410, thép không gỉ 420 và nhôm anodized.</p>	1 lít/ chai	Chai	180
90	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	<p>Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALALDEHYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8,</p> <p>- Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp.</p>	3,78L/ can	Can	320

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate, EPO - TEK 353 epoxy), có que thử. - Tương thích với dụng cụ của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz, đèn nội soi Fujinon) - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, Tric khuẩn lao (Mycobacterium bovis) - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. 			
91	Hóa chất xét nghiệm Fib	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: Thuốc thử dùng để chẩn đoán in vitro Fibrinogen theo phương pháp Clauss - Thành phần bao gồm Thrombin đông khô có nguồn gốc động vật Độ lặp lại (between run) với QC nồng độ thường: CV% 2.3, với QC nồng độ cao: CV% 3.4 Không nhiễu với: Triglycerides: <731 mg/dL Độ ổn định sau khi mở nắp: + 7 ngày tại 2-8°C +24 giờ trên hệ thống tại 18-22 °C 	Hộp (5 x 2 ml, 2 x 15 ml)	Hộp	4
92	Hóa chất chuẩn mức 1	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: Huyết tương dùng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu (PT, APTT, Fibrinogen, Thrombin, Factor II, Factor V, Factor VII, Factor VIII, Factor IX, Factor X, Factor XI, Factor XII) - Thành phần: Huyết tương người đông khô Độ ổn định sau khi mở nắp: 10 giờ tại 2-25 °C, 5 ngày tại -20°C 	Hộp (6 x 1 ml)	Hộp	14
93	Hóa chất chuẩn mức 2	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: Huyết tương dùng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu (PT, APTT, Fibrinogen, Thrombin, Factor II, Factor V, Factor VII, Factor VIII, Factor IX, Factor X, Factor XI, Factor XII) - Thành phần: Huyết tương người đông khô Độ ổn định sau khi mở nắp: 10 giờ tại 2-25 °C, 5 ngày tại -20°C 	Hộp (6 x 1 ml)	Hộp	2
94	Hóa chất xét nghiệm PT (low ISI)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: Thuốc thử được dùng để xác định thời gian prothrombin (PT) (INR) trong huyết tương người - Thành phần bao gồm: + Thromboplastin đông khô từ mô não thỏ + Chất pha loãng Độ lặp lại (between run) với QC nồng độ 1: CV% 1.9, 	Hộp (5 x 5 ml, 2 x 15 ml)	Hộp	180

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
		với QC nồng độ 2: CV% 3.3, với QC nồng độ 3: CV% 2.8 Không nhiều với: Triglycerides: <731 mg/dL Độ ổn định sau khi mở nắp: + 7 ngày tại 2-8 °C + 3 ngày trên hệ thống tại 18-22 °C			
95	Hóa chất kiểm chuẩn Ddimer mức thấp	- Mục đích sử dụng: Huyết tương dùng để kiểm chuẩn định lượng D-Dimer bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục của huyết tương người - Thành phần: Huyết tương người đông khô được làm giàu với D-Dimer Độ ổn định sau khi mở nắp: 24 giờ tại 20-25 °C, 1 tuần tại 2-8°C	Hộp (6 x 1 ml)	Hộp	1
96	Hóa chất kiểm chuẩn Ddimer mức cao	- Mục đích sử dụng: Huyết tương dùng để kiểm chuẩn định lượng D-Dimer bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục của huyết tương người - Thành phần: Huyết tương người đông khô được làm giàu với D-Dimer Độ ổn định sau khi mở nắp: 24 giờ tại 20-25 °C, 1 tuần tại 2-8°C	Hộp (6 x 1 ml)	Hộp	1
97	Hóa chất chạy xét nghiệm APTT	- Mục đích sử dụng: Thuốc thử được dùng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương người - Thành phần bao gồm cephalin từ mô não thỏ và kaolin hoạt hóa, Calcium Chlorid Độ lặp lại (between run) với QC nồng độ 1: CV% 2.5, với QC nồng độ 2: CV% 4.3, với QC nồng độ 3: CV% 3.2 Không nhiều với: Triglycerides: <731 mg/dL Độ ổn định sau khi mở nắp: + 30 ngày tại 2-8°C + 10 ngày trên hệ thống tại 18-22 °C	Hộp (5 x 3 ml; 2 x 10 ml)	Hộp	110
98	Dung dịch Hemolynac 3N	- Dùng để ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích Hemoglobin - Thành phần: Nước tinh khiết, chất hoạt động bề mặt muối amoni bậc bốn 3.55% - 3.93%	500mL/ Can	Can	200
99	Dung dịch Isotonac 3	- Dùng để pha loãng máu cho máy xét nghiệm huyết học - Thành phần: Nước tinh khiết, natri sulfate khan $\geq 0.9\%$, Tris $\geq 0.1\%$	18L/ Can	Can	400
100	Dung dịch đệm cho xét nghiệm Fibrinogen	- Mục đích sử dụng: Dùng để pha loãng huyết tương, chất hiệu chuẩn, kiểm chuẩn trong quá trình xác định Fibrinogen (mg/dL) - Thành phần: Hepes, pH 7.35, chất ổn định	Hộp (16 x 15 ml)	Hộp	3
101	Hóa chất chạy xét nghiệm TT	- Mục đích sử dụng: Thuốc thử dùng để xác định in vitro thời gian Thrombin trong huyết tương người - Thành phần: Thrombin đông khô có nguồn gốc từ bò Độ lặp lại (between run): CV % 2.8 Độ ổn định sau khi mở nắp:	Hộp (12 x 2 ml)	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
		+ 7 ngày tại 2-8°C + 2 ngày trên hệ thống tại 18-22 °C			
102	Huyết tương chuẩn	- Mục đích sử dụng: Huyết tương để hiệu chuẩn các xét nghiệm đông máu - Thành phần: Huyết tương người đông khô Độ ổn định sau khi mở nắp: 4 giờ tại 2-25 °C	Hộp (6 x 1 ml)	Hộp	1
103	Máu chuẩn MEK-5 DN	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày	Lọ 3ml	Lọ	20
104	Máu chuẩn MEK-5 DL	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày	Lọ 3ml	Lọ	1
105	Dung dịch Hemolynac 5	- Dùng để phá màng tế bào hồng cầu cho phân tích 5 thành phần bạch cầu - Thành phần: Nước tinh khiết, chất hoạt động bề mặt 1.04 - 1.12 g/L	500mL/ Can	Can	100
106	Máu chuẩn MEK-5 DH	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày	Lọ 3ml	Lọ	13
107	Dung dịch Cleanac 3	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypoclorit Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày	Can 5L	Can	35
108	Dung dịch Cleanac	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene tridecylether: 0.049% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 180 ngày	Can 5L	Can	80
109	Hóa chất rửa máy đông máu	- Mục đích sử dụng: Dung dịch rửa để làm sạch kim - Thành phần: Dung dịch axit - Độ	Hộp (16 x 15 ml)	Hộp	30

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
		ổn định: sau khi mở nắp đặt ổn định trong 6 ngày đặt trên máy			
110	Huyết tương hiệu chuẩn PT	- Mục đích sử dụng: Huyết tương hiệu chuẩn các xét nghiệm xác định Thời gian Prothrombin (% , INR) - Thành phần: Huyết tương người đông khô (citrat) Độ ổn định sau khi mở nắp: 4 giờ tại 2-25 °C	Hộp (4 x 0.5 ml, 4 x 0.5 ml, 4 x 0.5 ml)	Hộp	1
111	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides	Xét nghiệm miễn dịch định tính để phát hiện kháng thể kháng Strongyloides Loại mẫu: huyết thanh/huyết tương Tỉ lệ pha loãng: 1:64, Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 450/620-650 nm Số lượng giếng dùng/mẫu XN: 3 giếng Giá trị dự kiến cho các chất chứng là: Âm tính - 0.0 - 0.2 đơn vị OD Dương tính - ≥ 0.5 đơn vị OD Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 100% Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng	96 Test/hộp	Hộp	14
112	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Cysticercosis	Xét nghiệm dùng để sàng lọc định tính kháng thể IgG trong huyết thanh đối với Taenia solium Loại mẫu: huyết thanh Tỉ lệ pha loãng: 1:64, Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 450/620-650 nm Số lượng giếng dùng/mẫu XN: 3 giếng Giá trị dự kiến cho các chất chứng là: Âm tính - 0.0 - 0.3 đơn vị OD Dương tính - ≥ 0.5 đơn vị OD Độ nhạy: 88% Độ đặc hiệu: 96% Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng	96 Test/hộp	Hộp	14
113	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus	Xét nghiệm dùng để sàng lọc định tính kháng thể IgG trong huyết thanh của Echinococcus sp Loại mẫu: huyết thanh Tỉ lệ pha loãng: 1:64, Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 450/620-650 nm Số lượng giếng dùng/mẫu XN: 3 giếng Giá trị dự kiến cho các chất chứng là: Âm tính: 0.0 - 0.3 đơn vị OD Dương tính ≥ 0.5 đơn vị OD Độ nhạy: 97.9%	96 Test/hộp	Hộp	14

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
		Độ đặc hiệu: 91.7% Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng			
114	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Toxocara	Xét nghiệm miễn dịch enzyme bán định lượng để phát hiện các kháng thể với Toxocara Loại mẫu: huyết thanh/huyết tương Tỉ lệ pha loãng: 1:64, Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 450/620-650 nm Số lượng giếng dùng/mẫu XN: 3 giếng Giá trị dự kiến cho các chất chứng là: Âm tính - 0.0 - 0.3 đơn vị OD Dương tính - ≥ 0.5 đơn vị OD Độ nhạy: 87.5% Độ đặc hiệu: 93.3% Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng	96 Test/hộp	Hộp	14
115	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Fasciola	Xét nghiệm dùng để sàng lọc định tính kháng thể IgG trong huyết thanh của Fasciola Loại mẫu: huyết thanh Tỉ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 450/620-650 nm Số lượng giếng dùng/mẫu XN: 3 giếng Giá trị dự kiến cho các chất chứng là: Âm tính: 0.0 - 0.09 đơn vị OD Dương tính ≥ 0.5 đơn vị OD Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 100% Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng	96 Test/hộp	Hộp	14
116	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Clonorchis	Dùng để xác định bán định lượng kháng thể kháng Clonorchis bằng phương pháp Hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương Tỉ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 450/620-650 nm Số lượng giếng dùng/mẫu XN: 3 giếng Giá trị dự kiến cho các chất chứng là: Âm tính: 0.0 - 0.2 đơn vị OD Dương tính ≥ 0.5 đơn vị OD Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 92% Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng	96 Test/ hộp	Hộp	12

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
117	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma	Dùng để xác định bán định lượng kháng thể kháng Gnathostoma (giun đầu gai) bằng phương pháp Hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương Tỉ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 450/620-650 nm Số lượng giếng dùng/mẫu XN: 3 giếng Giá trị dự kiến cho các chất chứng là: Âm tính: 0.0 - 0.2 đơn vị OD Dương tính ≥ 0.5 đơn vị OD Độ nhạy: 93% Độ đặc hiệu: 100% Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng	96 Test/ hộp	Hộp	12
118	Hóa chất xét nghiệm D-Dimer	- Mục đích sử dụng: Thuốc thử dùng để định lượng D-Dimer trong huyết tương người - Thuốc thử dạng latex gồm các hạt polystyrene được bao phủ bằng kháng thể đơn dòng Độ lặp lại (between run) với QC nồng độ 1: CV% 1.1, với QC nồng độ 2: CV% 2.2 Bước sóng: 400-800 nm Độ ổn định sau khi mở nắp đối với Hóa chất đệm, hóa chất latex, hóa chất pha loãng + 8 tuần tại 2-8 °C + 2 tuần tại 15-25 °C	Hộp (3 x 7 ml, 3 x 4 ml, 2 x 1 ml, 2 x 7 ml)	Hộp	5
119	Cuvette cho dòng máy đông máu tự động	Cồng đo mẫu 1 hộp 20 thanh, 1 thanh 29 racks, 1 racks 4 cuvet làm được 4 xét nghiệm khác nhau	Hộp (20 thanh x 29 rack x 4 cuvet)	Thanh	760
120	Thẻ định lại nhóm máu và làm phản ứng hòa hợp tại đầu giường trước truyền máu	Thẻ định lại nhóm máu và làm phản ứng hòa hợp tại đầu giường trước truyền máuThành phần: - Anti-A - Anti-B - Chất ổn định: $\leq 0.1\%$ NaN ₃ ,Độ nhạy: Anti A: 100%; Anti B: 100%Độ đặc hiệu: Anti A: 100%; Anti B: 100%Chất bảo quản: Sodium azide < 1,0mg/ml trong test xét nghiệm + Nhiệt độ bảo quản: 2-25°C	Hộp 50 thẻ/ mỗi thẻ 2 Test	Test	13.000
121	Bộ phát hiện vi khuẩn H.Pylori (H)	Được dùng để phát hiện nhanh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy. Là môi trường chuyên biệt dạng gel dùng để phát hiện nhanh vi khuẩn H. pylori và được chứa trong giếng của một bảng nhựa. Mỗi bảng nhựa tương đương với một thử nghiệm được dùng cho một bệnh phẩm hoặc mẫu thử.	20 test/hộp	Test	5.200

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
122	Kim lấy máu	<ul style="list-style-type: none"> - Kim dạng nòng rỗng, sắc bén, nằm trong vỏ nhựa bảo vệ, đóng gói tiệt trùng từng cái. - Kim không lồi trước và sau khi sử dụng, có nắp đậy sau khi sử dụng giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm, an toàn cho người sử dụng. - Sử dụng cho bút bắn kim Medisafe FineTouch 	Hộp/30 cái	cái	5.400
123	Que thử đường huyết, tương thích máy Medisafe	<ul style="list-style-type: none"> - Que thử có đầu hút dạng vòi, nằm trong nút nhựa, có màng phim bảo quản tránh ẩm và oxy hóa. Có ghi hạn sử dụng trên từng đầu thử để dễ kiểm soát. Không cần cài đặt code khi sử dụng. - Thiết kế dạng hình khối dễ cầm với 1 chiều gắn duy nhất. - Không gây phơi nhiễm, an toàn cho Người sử dụng do tay không chạm vào đầu thử khi sử dụng và sau khi sử dụng. - Sử dụng máy đo bằng phương pháp quang học có chùm tia kép. 	Hộp/30 cái	cái	15.000
124	Que thử đường huyết	<ul style="list-style-type: none"> - Que thử đường huyết sử dụng công nghệ hiện đại enzyme FAD - GDH không ảnh hưởng bởi maltose và oxygen. Có tay cầm không tiếp xúc trực tiếp đầu que thử để sử dụng và không cần dùng mã code. - Đo được máu mao mạch, tĩnh mạch, - Mỗi que thử đường huyết chứa: FAD-Glucose dehydrogenase (Microorganism) : 4 units, Potassium ferricyanide : 4,9 % - Thể tích máu 0,5 µl. - Khoảng đo từ 10 – 900 mg/ dL (0,6 – 50 mmol/ L), - Thời gian đo 5 giây - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE 	2 x 25 que/hộp	Que	40.000
125	Chai cấy máu hiếu khí người lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi hiếu khí các vi sinh vật từ mẫu máu. - Bảo quản ở 2 - 25°C. - Chai có một cảm biến hoá học được theo dõi bởi máy cấy máu sau mỗi 10 phút để phát hiện sự gia tăng của huỳnh quang. 	50 chai x 30ml/hộp	Chai	600
126	Chai cấy máu trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi vi sinh vật hiếu khí từ mẫu máu bệnh nhi và các mẫu máu khác có thể tích dưới 3mL. - Bảo quản ở 2 - 25°C. - Chai có một cảm biến hoá học được theo dõi bởi máy cấy máu sau mỗi 10 phút để phát hiện sự gia tăng của huỳnh quang. 	40mL/chai x 50 chai	Chai	500

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
127	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	<p>" + Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương được sử dụng trên hệ thống để định danh tự động các vi khuẩn Gram dương</p> <p>' + Thẻ căn cứ vào các phương pháp hóa sinh đã được thiết lập và cơ chất đã phát triển mới. Có 43 xét nghiệm hóa sinh đánh giá việc sử dụng nguồn cacbon, các hoạt động enzym và tính kháng</p> <p>' - Thẻ định danh là thẻ dùng một lần.</p> <p>Bảo quản thẻ hóa chất trong lớp lót kín của bao bì ở nhiệt độ từ 2-8°C</p>	20 thẻ/Hộp	Hộp	8
128	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	<p>" + Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm được sử dụng trên hệ thống để định danh tự động các trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men</p> <p>' + Thẻ căn cứ vào các phương pháp hóa sinh đã được thiết lập và đã phát triển mới các cơ chất tính toán việc sử dụng nguồn cacbon, hoạt tính enzym và tính kháng. Có 47 xét nghiệm hóa sinh và một giếng đối chứng âm.</p> <p>' - Thẻ định danh là thẻ dùng một lần.</p> <p>Bảo quản thẻ hóa chất trong lớp lót kín của bao bì ở nhiệt độ từ 2-8°C</p>	20 thẻ/Hộp	Hộp	50
129	Thẻ kháng sinh đồ Gram dương	<p>" - Thẻ kháng sinh đồ Gram dương được sử dụng với Hệ thống VITEK® 2 trong phòng xét nghiệm lâm sàng như một xét nghiệm in vitro để xác định tính nhạy cảm của Staphylococcus spp., Enterococcus spp., and S. agalactiae</p> <p>;- thành phần kháng sinh trong thẻ hóa chất: Ampicillin, Benzylpenicillin, Sàng lọc Cefoxitin, Ciprofloxacin, Clindamycin, Erythromycin, Gentamicin, Gentamicin hàm lượng cao, Inducible Clindamycin Resistance, Levofloxacin, Linezolid, Moxifloxacin, Nitrofurantoin, Oxacillin, Quinupristin/Dalfopristin, Rifampicin, Rifampicin hàm lượng cao, Streptomycin hàm lượng cao, Tetracycline, Tigecycline, Trimethoprim/Sulfamethoxazole, Vancomycin</p> <p>' - Bảo quản thẻ hóa chất ở nhiệt độ từ 2-8°C</p>	20 thẻ/Hộp	Hộp	14
130	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm	<p>Thẻ kháng sinh đồ Gram âm được sử dụng với Hệ thống VITEK® 2 trong phòng xét nghiệm lâm sàng như một xét nghiệm in vitro để xác định tính nhạy cảm của trực</p>	20 thẻ/Hộp	Hộp	80

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
		khuẩn Gram âm hiệu khí - Thành phần kháng sinh trong thẻ hóa chất: Ampicillin, Ampicillin/ Sulbactam, Cefotaxime, Ceftazidime, Cefuroxime, Ciprofloxacin, Ertapenem, ESBL, Gentamicin, Imipenem, Meropenem, Piperacillin, Piperacillin/ Tazobactam, Tigecycline, Trimethoprim/Sulfamethoxazole Bảo quản thẻ hóa chất ở nhiệt độ từ 2-8°C			
131	Saline Solution 20x500ml	"Dung dịch nước muối 0.45% (SALINE SOLUTION 0.45% NaCl) được sử dụng để chuẩn bị thủ công huyền dịch vi sinh vật, trước khi tiến hành định danh và thử nghiệm tính nhạy cảm kháng sinh trên các thiết bị VITEK® 2 Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp/ 20 chai x 500ml	20 chai x 500ml/ Hộp	Hộp	1
132	Ống tuýp pha huyền dịch vi khuẩn	"Ống nhựa plastic để pha loãng mẫu xét nghiệm trên hệ thống định danh kháng sinh đồ Bảo quản: nhiệt độ phòng.	2000 tube/ Thùng	Thùng	1
133	Viên nén khử khuẩn	Viên sỏi khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosense Sodium - Dạng viên sỏi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm & gram dương Hoạt động hiệu quả kể cả khi có sự hiện diện chất hữu cơ, pH 6.2 - 1 viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24%. trọng lượng 1 viên	100 viên/hộp	hộp	60
134	Dụng cụ mở đường vào động mạch	Bao gồm các thành phần sau: * Kim luồn chọc mạch cỡ 18G * Dây dẫn: Đường kính: 0.035" * Bơm tiêm * Introducer Sheath: - Van cầm máu hình chữ thập kiểu "Cross- Cut" - Kích thước: Cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr - Chiều dài: 10 cm - Chất liệu sheath: làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene) * Que nong (dilator): - Chất liệu dilator: Polypropylene	Bì 1 cái	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
135	Chất kiểm chứng mức 1 cho máy xét nghiệm khí máu	Chất kiểm chứng mức 1 dùng cho máy xét nghiệm khí máu. 1 hộp gồm 30 ống hoặc tương đương. Thành phần: đệm sinh học, muối và chất bảo quản, và được cân bằng với carbon dioxide và oxy	30 ampoules/Box	Hộp	1
136	Chất kiểm chứng mức 3 cho máy xét nghiệm khí máu	Chất kiểm chứng mức 3 dùng cho máy xét nghiệm khí máu. 1 hộp gồm 30 ống hoặc tương đương. Thành phần: đệm sinh học, muối và chất bảo quản, và được cân bằng với carbon dioxide và oxy	30 ampoules/Box	Hộp	1
137	Dung dịch rửa máy khí máu	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm khí máu. Bao gồm 4 ngăn chứa dung dịch có nồng độ khác nhau của các thông số khí máu, điện giải và chuyển hóa, có tích hợp ngăn chứa dung dịch thải, chip điện tử kiểm soát thời hạn sử dụng	1 pack/box	Hộp	1
138	Dung dịch rửa máy khí máu	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm khí máu. Bao gồm 4 ngăn chứa dung dịch có nồng độ khác nhau của các thông số khí máu, điện giải và chuyển hóa, có tích hợp ngăn chứa dung dịch thải, chip điện tử kiểm soát thời hạn sử dụng	1 pack/box	Hộp	6
139	Thẻ cảm biến xét nghiệm khí máu	Thẻ cảm biến xét nghiệm khí máu, đo được các thông số pH, pCO ₂ , pO ₂ , Hct, K ⁺ , Na ⁺ , Ca ⁺⁺ , Cl ⁻ , Lactate, 300 test/hộp, sử dụng trong vòng 30 ngày sau khi mở hộp. Thẻ cảm biến tích hợp điện cực tham chiếu, có sẵn kim hút, dây bơm và cảm biến nhiệt độ.	1 cassette/box	Hộp	1
140	Thẻ cảm biến xét nghiệm khí máu	Thẻ cảm biến xét nghiệm khí máu, đo được các thông số pH, pCO ₂ , pO ₂ , Hct, K ⁺ , Na ⁺ , Ca ⁺⁺ , Cl ⁻ , 300 test/hộp, sử dụng trong vòng 60 ngày sau khi mở hộp. Thẻ cảm biến tích hợp điện cực tham chiếu, có sẵn kim hút, dây bơm và cảm biến nhiệt độ.	1 cassette/box	Hộp	3
141	Ống nghiệm chân không EDTA K2 HTM 2.0ml	Ống nghiệm nhựa PET, kích thước 13 x 100 (mm), nắp nhựa màu tím có nút cao su bên trong. Chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate (EDTA K2) bên trong. Ống nghiệm đã được hút chân không để có thể rút chính xác thể tích mẫu.	100 Ống/Khay; 1200 Ống/Thùng	Ống	30.000
142	Ống nghiệm EDTA K3 0,5ml nắp bật (nhí) màu trắng, mous thấp	* Ống nghiệm là ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 2,0ml. *Bên trong chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Tripotassium salt Dihydrate (EDTA K3), có vạch lấy mẫu 0.5ml trên nhãn ống. * Độ PH	4200 ống/thùng, 100 ống/hộp	Ống	10.000

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách	ĐVT	Số lượng
		trung tính. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016, CE			
143	Dung dịch rửa, khử trùng quả lọc	Dung dịch làm sạch và khử trùng mức độ cao màng lọc thận nhân tạo	Can/5 lít	Can	70
144	Dây bơm máy điện giải	Dây bơm sử dụng cho máy điện giải Erba LytePlus	Bì/1	Cái	5
145	Ống ly tâm 1.7mL	<p>Ống ly tâm 1.7mL, 1000 ống/túi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống được đóng gói trong túi zip, không tiệt trùng. - Ống có nắp chống rò rỉ, nắp mỏng cho phép chọc kim vào. - Có vạch chia thể tích và khu vực nhãn ghi thông tin. - Phù hợp với rotor máy li tâm thông thường. - Dung tích: 1.7 mL - Kiểu nắp: Nắp phẳng - Chất liệu: Nhựa polypropylene. - Màu sắc: Trong suốt - Không chứa nội độc tố, DNase, RNase, pyrogen. - Lực li tâm chịu được: Lên đến 20.000 RCF. - Khoảng nhiệt độ chịu được: -80 oC đến +121oC. - Quy cách đóng gói: 1000 cái/túi 	1000 cái/túi	Cái	2.000

Ghi chú: *Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng ” tương đương ” với yêu cầu tối thiểu.*

3. Các yêu cầu khác:

- Hàng hóa dự thầu phải nêu rõ: Ký mã hiệu; Nhãn hiệu; Năm sản xuất; Xuất xứ; Hãng sản xuất; Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản đáp ứng yêu cầu của E-HSMT tại chương V (Theo file đính kèm)

- Cam kết cung cấp hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2024 trở về sau;

- Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa dự thầu: Phải đảm bảo hàng hóa dự thầu có tiêu chuẩn chất lượng đúng theo tiêu chuẩn chất lượng đã công bố.

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ Catalogue và các tài liệu có liên quan (bản gốc)

nếu: Tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng... cho toàn bộ hàng hóa chào thầu để chứng minh hàng hóa do mình chào thầu là đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật.

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật của các nhà thầu nêu trong E-HSMT phải thể hiện trên catalogue và tài liệu kỹ thuật bản gốc và bản dịch. Nhà thầu chào các TSKT của hàng hóa **theo thứ tự yêu cầu** và ghi rõ thông số kỹ thuật tham chiếu tại trang nào của catalogue hay tài liệu kỹ thuật. (Theo file đính kèm)

- Quy cách: Nhà thầu có thể chào quy cách đóng gói khác với yêu cầu của E-HSMT nhưng đảm bảo tổng khối lượng đóng gói lớn hơn hoặc bằng quy cách đóng gói yêu cầu đối với danh mục hàng hoá, hàng hóa dự thầu phải đáp ứng yêu cầu về quy cách của E-HSMT

- Số lượng hàng hoá sẽ được Chủ đầu tư yêu cầu cung cấp theo từng đợt, tùy theo nhu cầu thực tế sử dụng. Thời gian giao hàng trong vòng 07 ngày (24 giờ đối với trường hợp cấp cứu) kể từ khi có yêu cầu từ Chủ đầu tư thông qua điện thoại, zalo, mail, Fax.....

*** Nhà thầu phải làm giấy cam kết về giá theo mẫu sau:**

TÊN NHÀ THẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCK

....., ngày tháng năm.....

GIẤY CAM KẾT

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi 2

Căn cứ E-HSMT của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi 2 về Gói thầu: Gói số 26 mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm.

Nay Tên Nhà thầu xin dự thầu Gói thầu: Gói số 26 mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm với giá dự thầu là: số tiền tham gia dự thầu(bằng chữ:.....)

Nhà thầu chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về mức giá dự thầu của nhà thầu là phù hợp với giá thị trường theo quy định của pháp luật. Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về giá dự thầu nêu trên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(ký tên, đóng dấu)

Mục 2. Bản vẽ: Không có.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: theo hợp đồng được ký kết.